

Bản án số: 282/2024/DS-PT

Ngày: 26-4-2024

V/v Đòi tài sản tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý

Ông Lê Trí Cường

Thư ký phiên toà ghi biên bản: Bà Đinh Thị Thu Hương - Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 101/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện QO8, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 179/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **LTH1**, sinh năm 1981; *Có mặt.*

HKTT và nơi ở: Thôn YQ6, xã TP7, huyện QO8, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1: Anh **NVL2**, sinh năm 1982. HKTT: KĐTM DN9, phường YN10, quận HĐ11, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền ngày 29/9/2023. *Có mặt.*

Bị đơn: Chị **NTN3**, sinh năm 1980; *Có mặt.*

Anh **LXT4**, sinh năm 1977; *Có mặt.*

HKTT và nơi ở: Thôn PH12, xã TP7, huyện QO8, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **NVB5**, sinh năm 1972; *Có mặt.*

HKTT và nơi ở: Thôn YQ6, xã TP7, huyện QO8, thành phố Hà Nội.

Do có kháng cáo của nguyên đơn là chị LTH1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị LTH1 trình bày:

Chị là em gái anh LXT4; là em dâu của chị NTN3. Vợ chồng chị làm nghề buôn bán thịt trâu, bò. Chị lấy thịt trâu, bò về bán buôn cho những người bán lẻ trong đó có chị N3. Vì là chỗ chị em trong nhà nên chị thường xuyên cho chị N3 lấy chịu thịt về bán trả tiền sau từ năm 2016 đến năm 2021 (có sổ ghi nhận nợ từng lần). Đến năm 2022 chị N3 có viết giấy xác nhận lại tổng số nợ.

- Ngày 21/12/2016, chị N3 nợ 23.500.000 đồng.

- Ngày 30/12/2016, chị N3 nợ 84.600.000 đồng.

- Ngày 10/12/2017, chị N3 nợ 29.600.000 đồng.

- Ngày 27/12/2017, chị N3 nợ 37.060.000 đồng.

Tổng nợ đến 30/12/2017 chị N3 nợ chị số tiền 174.700.000 đồng.

- Ngày 06/02/2018, chị N3 nợ 46.200.000 đồng.

- Ngày 20/5/2018, chị N3 nợ 10.000.000 đồng.

- Ngày 01/9/2018, chị N3 nợ 10.000.000 đồng.

- Ngày 21/12/2018, chị N3 nợ 168.000.000 đồng.

Tổng nợ đến 30/12/2018 chị N3 nợ chị số tiền 234.200.000 đồng.

- Ngày 29/12/2019, chị N3 nợ 133.600.000 đồng.

- Ngày 19/6/2020, chị N3 nợ 37.200.000 đồng.

- Ngày 23/6/2020, chị N3 nợ 39.500.000 đồng.

- Ngày 17/7/2020, chị N3 nợ 52.100.000 đồng.

- Ngày 09/10/2021, chị N3 nợ 66.150.000 đồng.

Tổng nợ đến 09/10/2021 chị N3 nợ chị số tiền 737.050.000 đồng.

Việc chị N3 nợ chị số tiền trên, anh T4 có biết nhưng đến khoảng tháng 7/2022, chị thấy vợ chồng anh T4 chị N3 có dấu hiệu lừa dối, không có ý định trả chị số tiền trên.

Đến ngày 19/7/2022, chị và chị N3 đã tiến hành đối chiếu số thịt đã lấy, số tiền đã trả và số tiền còn nợ lại thì chị N3 xác nhận còn nợ lại chị tổng số là 737.000.000 đồng. Để tránh việc cãi vã nhau sau này mất tình cảm chị em về số tiền nợ, chị đã yêu cầu chị N3 tự tay viết số nợ vào sổ của chị: *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Độc lập tự do hạnh phúc. Tổng nợ H1 là 737.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi bảy triệu đồng)* và ký chữ N3, NTN3. Đồng thời chị N3 còn viết thêm phần cuối: *Ngày 19/7/2022, Số CM 001180004712; Cấp ngày 24/6/2021.*

Chị đã nhiều lần đến nhà anh T4, chị N3 đòi tiền nhưng anh chị cứ khất lần, khất lượt không trả. Sau đó anh T4 có nói với chị là do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng không có tiền mặt nên vợ chồng anh thống nhất gán cho chị 200m² đất ruộng ở BV13 (sát quán bia nhà anh), xã TP7, huyện QO8, thành phố Hà Nội đứng tên của anh.

Để đảm bảo việc trả nợ và gán đất có căn cứ, chiều ngày 27/9/2022 chị đã mời bố mẹ đẻ chị là ông LVT14, bà NTL15 cùng chị gái là bà LTL16 và em gái là LTH17 đến nhà anh T4 để chứng kiến việc chị và vợ chồng anh T4 kết toán số nợ và cắt trả cho đất nông nghiệp cho nhau. Tại buổi làm việc đó chị N3 tự tay viết vào cuốn vở ô ly của chị và xác nhận như sau:

“Tổng nợ: Tên tôi NTN3, Số chứng minh thư 00118004712; cấp ngày 24/6/2021 có nợ cô H1 là 737.000.000 đồng. Anh T4 còn nợ 65.000.000 đồng. Hiện nay hai bên gia đình đã thỏa thuận và đồng ý trả số nợ trên bằng đất vườn với số lượng đất là 200 m² đất. Kể từ nay số nợ trên đã xóa nợ hoàn toàn. Bên A, tôi đã ký H1, LTH1; Bên B NTN3 và anh LXT4 đã ký. Phía sau chị N3 còn ghi tiếp: Cắt 200m² đất giáp nhà H18. Phía dưới những người làm chứng là bố mẹ đẻ tôi và em gái, chị gái ký chứng kiến. Cuối cùng ghi TP7 ngày 27/9/2022.”

Đến ngày 03/10/2022, chị đã lên UBND xã TP7 trình bày với địa chính xã và nhờ Công ty Đo đạc QO8 về đo đạc thửa đất BV13 để làm Vi Bằng việc anh T4, chị N3 trả nợ bằng đất cho chị. Nhưng sau khi chị thuê công ty đo đạc xong thì anh T4, chị N3 bội tín không cắt đất cho chị nữa. Anh T4 chị N3 còn tuyên bố thề với chị sẽ không trả nợ cho chị nữa và tuyên bố nếu chị kiện vợ chồng anh ra Tòa để đòi nợ thì không anh em gì nữa. Vì là chỗ anh em nên chị có bảo anh T4, chị N3 trả chị được chừng nào thì trả, mỗi tháng 10 triệu đồng cũng được nhưng anh chị vẫn không có thiện chí trả nợ cho chị.

Việc chị N3 và anh T4 bội tín không cắt đất trả cho chị cũng như không trả tiền cho chị đã xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của chị và gia đình chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện QO8 giải quyết buộc chị N3 và anh T4 phải có nghĩa vụ thanh toán trả chị số tiền 802.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị NTN3 trình bày:

Chị làm nghề bán thịt trâu, bò nên hàng ngày chị có đến nhà em dâu chị là chị LTH1 để lấy thịt về bán. Vì là chỗ quen biết nên chị thường xuyên lấy thịt của chị H1. Nhưng do chợ ế ẩm nên chị chưa trả tiền chị H1 luôn được mà mỗi ngày chị lại khát nợ một ít. Tính từ ngày 21/12/2016 đến ngày 09/12/2021 chị còn nợ của chị H1 tổng số tiền là **737.050.000** đồng. Quá trình nợ tiền thịt như chị H1 đã trình bày. Tiền chị nợ chị H1 thì chị đã sử dụng hết vào việc mở quán bán bia và chi tiêu sinh hoạt chung cho gia đình, nuôi con cái ăn học.

Đến ngày 27/9/2022 chị và anh T4 là chồng chị có ký xác nhận tổng số nợ của vợ chồng chị nợ chị H1 là 802.000.000 đồng (trong đó chị nợ tiền lấy thịt trâu, bò chị H1 là 737 triệu đồng; anh T4 vay chị H1 65 triệu đồng). Do vợ chồng chị chưa có tiền để trả cho chị H1 nên chị H1 đã làm đơn khởi kiện vợ chồng chị đến Tòa án nhân dân huyện QO8 và buộc vợ chồng chị phải thanh toán trả cho chị H1 số nợ nêu trên. Chị có ý kiến là: Chị xác nhận vợ chồng chị có nợ chị H1

802 triệu đồng; Hiện nay gia đình chị rất khó khăn, làm ăn chỉ đủ tiêu nên vợ chồng chị muốn gán 150m² đất ruộng ở thôn YQ6, xã TP7 trị giá khoảng 600 triệu đồng cho chị H1 để trừ nợ. Số tiền còn lại 200 triệu đồng vợ chồng chị trả dần cho chị H1. Nếu chị H1 không đồng ý thì chị đề nghị được trả nợ dần cho chị H1, mỗi năm 100 triệu đồng cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn anh LXT4 trình bày:

Anh là anh ruột của LTH1. Anh có vay chị H1 65 triệu đồng để dùng vào việc riêng của anh, không liên quan gì đến vợ anh chị N3.

Còn việc chị N3 vay mượn chị H1 bao nhiêu thì anh không rõ. Anh chỉ biết thời gian đầu chị N3 có lấy chịu thịt trâu, bò của chị H1 về bán (tính từ ngày 21/12/2016 đến ngày 27/12/2017) khoảng 174 triệu đồng. Anh đã can chị N3 không lấy chịu nữa và cũng đã bảo chị H1 nếu cho vợ anh lấy chịu thịt thì anh không liên quan gì và sẽ không chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của vợ anh. Nhưng chị H1 vẫn tiếp tục cho chị N3 lấy chịu thịt nên từ đó đến nay chị N3 còn nợ chị H1 bao nhiêu anh không biết và không liên quan gì. Số tiền chị N3 nợ chị H1 một phần để sử dụng vào chi tiêu sinh hoạt gia đình, phần còn lại để xây dựng tường bao, mở quán bán bia.

Nay chị H1 khởi kiện buộc vợ chồng anh phải trả số tiền 802 triệu đồng. Anh có ý kiến được trả bằng 150m² đất nông nghiệp sát quán bia nhà anh trị giá khoảng 600 triệu đồng. Số tiền còn lại vợ chồng anh trả dần. Nếu chị H1 không đồng ý thì anh cũng không có khả năng thanh toán nợ cho chị H1 nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh NVB5 trình bày:

Vợ chồng anh làm nghề buôn bán thịt trâu, bò. Chủ lò mổ giao thịt cho vợ chồng anh tận nhà còn vợ chồng anh đổ buôn cho một số người trong đó có vợ chồng chị N3, anh T4. Toàn bộ việc thu chi ghi sổ, sách buôn bán do vợ anh đảm nhiệm. Anh chỉ có biết làm thôi không liên quan đến sổ sách.

Đến tháng 8 năm 2022 anh thấy nhiều người đến nhà đòi vợ chồng anh tiền. Anh không biết tại sao vợ chồng anh nợ nhiều vậy nên có hỏi vợ thì mới biết chị H1 giấu anh cho anh T4, chị N3 nợ nhiều tiền mua chịu thịt trâu bò không trả dẫn đến vợ chồng anh cũng không có tiền trả họ.

Sau khi anh biết chuyện chị H1 giấu anh cho chị N3 nợ tiền mua thịt bò, anh mới bảo chị H1 gọi cho chị N3 yêu cầu chị N3 phải viết giấy xác nhận tổng số nợ mà chị N3 còn nợ vợ anh. Lý do anh làm vậy vì anh thấy vợ chồng anh T4 chị N3 sống không thành thật, nợ vợ anh từ năm 2016 đến nay vẫn chưa trả, số tiền lại quá lớn nên anh không yên tâm để cho vợ chồng anh T4 chị N3 nợ tiền mà không có giấy xác nhận nợ được.

Đến ngày 19/7/2022, sau khi vợ anh và chị N3 đã tiến hành đối chiếu số thịt đã lấy, số tiền đã trả và số tiền còn nợ lại thì chị N3 xác nhận còn nợ lại vợ anh tổng số là 737.000.000 đồng. Để tránh việc cãi vã nhau sau này mất tình cảm

chị em về số tiền nợ, anh đã yêu cầu chị N3 tự tay viết số nợ vào sổ ghi nợ. Sau đó, vợ chồng anh cũng nhiều lần đòi anh T4, chị N3 trả nợ nhưng anh chị cứ viện đủ lý do để trì hoãn việc trả nợ cho vợ chồng anh. Đến tháng 9/2022, vợ chồng anh T4 chị N3 có ý muốn gán nợ 200m² đất ruộng ở BV13, xã TP7, huyện QO8, thành phố Hà Nội đứng tên của anh LXT4 để trừ số tiền nợ; Vợ chồng anh đều nhất trí với phương án trả nợ này.

Đến ngày 27/9/2022 vợ chồng anh đã mời bố mẹ đẻ anh là ông LVT14, bà NTL15 cùng chị gái là bà LTL16 và em gái là LTH17 đến nhà anh T4 để chứng kiến việc vợ chồng anh T4 kết toán số nợ và cắt trả cho đất nông nghiệp cho vợ chồng anh. Tại buổi làm việc đó chị N3 tự tay viết xác nhận với nội dung như chị H1 đã trình bày.

Đến ngày 03/10/2022, vợ chồng anh đã lên UBND xã TP7 trình bày với địa chính xã và nhờ Công ty Đo đạc QO8 về đo đạc thửa đất BV13 để làm Vi Bằng việc anh T4, chị N3 trả nợ cho vợ chồng anh bằng đất ruộng. Nhưng sau khi vợ chồng anh thuê công ty Địa chính đo đạc xong thì anh T4, chị N3 bội tín không cắt đất cho vợ chồng anh nữa. Vợ chồng anh T4 chị N3 tuyên bố thắng với vợ chồng anh sẽ không trả nợ cho anh nữa, còn bảo nếu chị H1 kiện ra Tòa để đòi nợ thì không anh em gì nữa.

Vì vậy vợ anh đã làm đơn khởi kiện này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện QO8 giải quyết buộc chị NTN3 và anh LXT4 phải có nghĩa vụ thanh toán trả anh số tiền 802.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quan điểm của anh là chị N3, anh T4 có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh số tiền 802.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Người được nguyên đơn ủy quyền bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả thêm phần lãi suất từ ngày 19/7/2022 đến hết ngày 19/9/2023 làm tròn là 14 tháng là 93.556.000 đồng và 6 triệu đồng tiền thuê đo đạc và thuê Văn phòng Thừa phát Lại chứng kiến việc anh T4, chị N3 cắt trả cho chị H1 200m² đất. Hóa đơn chi tiền đo đạc và thuê làm vi bằng chị H1 sẽ xuất trình sau phiên tòa. Tổng cộng cả hai khoản là 99.556.000 đồng.

- Bị đơn xác nhận nợ số tiền gốc trên và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 802 triệu đồng nợ tiền mua thịt trâu bò còn thiếu chứ không phải vay lãi. Số tiền vay 65 triệu đồng vì là chỗ anh em ruột nên không có giấy tờ cũng không thỏa thuận lãi. Nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ thời điểm yêu cầu đòi nợ nên đề nghị Tòa bác yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi. Về số tiền chi phí 6 triệu đồng cho việc đo đạc và thuê Thừa phát lại chứng kiến việc cắt đất trả cho nguyên đơn, bị đơn không đồng ý trả vì nguyên đơn không cung cấp được hóa đơn, chứng từ đã chi phí.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị NTN3 và anh LXT4 phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 802.000.000 đồng và số tiền lãi, tiền thuê đo đạc, tiền lập vi bằng tổng là 99.556.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện QO8, thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị LTH1.

Buộc chị NTN3 và anh LXT4 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị LTH1 tổng số tiền còn nợ là 802.000.000 đồng (*tám trăm linh hai triệu đồng*).

Bác yêu cầu tính lãi số tiền trên là 93.556.000 đồng và bác yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả số tiền 6.000.000 đồng tiền đo đạc và thuê thừa phát lại. Tổng cộng cả hai khoản là 99.556.000 (*chín chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thi hành án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, chị LTH1 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 101/2023/DS-ST ngày 30/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện QO8, thành phố Hà Nội và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền lãi tính từ khi chốt nợ là từ ngày 19/7/2022 đến ngày 19/9/2023 là 802.000.000 đồng x 10%/năm x 14 tháng = 93.566.666 đồng (làm tròn) là 93.566.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn chi phí lập vi bằng giấy tờ đất là 6.000.000 đồng do theo thỏa thuận của hai bên, bị đơn đồng ý gán đất để trả nợ cho nguyên đơn nhưng sau đó bị đơn thay đổi không gán đất nữa nên bị đơn phải chịu phần chi phí này.

Tại phiên tòa phúc thẩm: các đương sự không xuất trình các tài liệu chứng cứ mới. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn giữ nguyên lời khai; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Đã thực hiện đúng và đầy đủ các bước tố tụng theo quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 101/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện QO8, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị LTH1 đã nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có mặt.

[2] *Về nội dung*:

Nhận thấy: Chị LTH1 và vợ chồng chị NTN3 và anh LXT4 có quan hệ ruột thịt; chị H1 là em gái anh T4. Ngày 27/9/2022 vợ chồng anh T4 xác nhận vợ chồng anh T4 chị N3 còn nợ 737.000.000 đồng là tiền chị N3 mua thịt bò của chị H1 từ ngày 21/12/2016 đến ngày 09/10/2021 và 65.000.000 đồng là anh T4 vay chị H1. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác nhận nợ với tổng hai khoản là 802.000.000 đồng. Chị N3 và anh T4 đều thừa nhận việc anh chị dùng số tiền trên của chị H1 để sử dụng vào mục đích chung của gia đình, một phần dùng để làm quán bia ở thôn YQ6, xã TP7 đồng thời xác nhận là khoản nợ chung của vợ chồng không phân chia nghĩa vụ trả nợ.

Như vậy, cấp sơ thẩm xử xác định anh T4 chị N3 còn nợ chị H1 802.000.000 đồng và là nợ chung của vợ chồng hai bên phải cùng có nghĩa vụ chịu trách nhiệm liên đới trả chị H1 802.000.000 là phù hợp với quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét kháng cáo của chị H1 về việc buộc bị đơn phải thanh toán 99.556.000 đồng (chín mươi chín triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) trong đó có 93.556.000 đồng tiền lãi và buộc bị đơn phải thanh toán trả số tiền 6.000.000 đồng tiền chi trả cho Thừa phát lại lập vi bằng.

Nhận thấy: sau khi nguyên đơn và bị đơn xác nhận số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn các bên có thoả thuận, vợ chồng anh T4 chị N3 gán nợ 200m² đất ruộng ở BV13, xã TP7, huyện QO8, thành phố Hà Nội đứng tên của anh LXT4 để trừ số tiền nợ. Đến ngày 03/10/2022, vợ chồng nguyên đơn thuê Công ty Đo đạc QO8 về đo đạc thửa đất BV13 và mời Công chứng lập Vi bằng việc anh T4, chị N3 trả nợ cho vợ chồng anh bằng đất ruộng, tuy nhiên vợ chồng anh T4 thay đổi không đồng ý gán nợ bằng đất.

Xét đây là vụ án tranh chấp đòi tài sản là tiền (737.000.000 đồng) xuất phát từ việc mua bán hàng hoá là thịt bò từ năm 2016 đến 2021, và số tiền (65.000.000 đồng) bị đơn vay, các bên không thoả thuận lãi, thời gian thanh toán. Ngày 19/7/2022 nguyên đơn và bị đơn chốt nợ chỉ thoả thuận việc gán đất; không thoả thuận về thời gian trả cũng như lãi suất; tháng 10/2022 phía bị đơn không thực hiện được theo thoả thuận. Đến tháng 3/2023 nguyên đơn khởi kiện nên cấp sơ thẩm không buộc bị đơn phải trả nguyên đơn lãi từ ngày 19/7/2022 đến hết ngày 19/9/2023 làm tròn là 14 tháng là 93.556.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Đối với yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn phải trả 6 triệu đồng tiền thuê đo đạc và thuê Văn phòng Thừa phát lại chứng kiến việc đo cất đất: xét việc đo đạc và thuê lập vi bằng hai bên không có sự thống nhất thoả thuận; nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ phù hợp và nên không có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị LTH1, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] *Về án phí*: chị LTH1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 26, Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 27, Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị LTH1.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 101/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện QO8, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị LTH1.

Buộc chị NTN3 và anh LXT4 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị LTH1 tổng số tiền còn nợ là 802.000.000 đồng (Tám trăm linh hai triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi số tiền trên là 93.556.000 đồng và bác yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả số tiền 6.000.000 đồng tiền đo đạc và thuê thừa

phát lại. Tổng cộng cả hai khoản là 99.556.000 (Chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị NTN3 và anh LXT4 có nghĩa vụ liên đới phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.060.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng). Do chị N3, anh T4 có hoàn cảnh khó khăn nên giảm cho anh T4, chị N3 16.060.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh T4, chị N3 còn phải chịu 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Kỳ phần của mỗi người là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Chị LTH1 phải chịu án phí là 4.978.000 (Bốn triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn) đồng. Chị H1 đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 18.030.000 đồng (Mười tám triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0000545 ngày 15/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện QO8. Hoàn trả cho chị H1 số tiền 13.052.000 (Mười ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị LTH1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000779 ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện QO8, thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện QO8;
- Chi cục THADS huyện QO8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA